

Bản án số: 07/2022/HS-ST

Ngày 31-3-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Q;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức P và bà Nguyễn Thị Q.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị H - Thư ký.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 31/3/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2022/TLST-HS ngày 18/01/2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HS, ngày 09/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐHPT ngày 24/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện P đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đăng T**, sinh năm 1989; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện P, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12 ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không ; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Đăng T, sinh năm 1960 và con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 20/04/2012 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T xử phạt 01 năm 05 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã chấp hành xong hình phạt ngày 28/02/2013); ngày 26/01/2016 bị Tòa án nhân dân huyện P xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (đã chấp hành xong hình phạt ngày 28/4/2017). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2021 đến ngày 18/12/2021 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1961; “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện P, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 16/3/2020, Bùi Văn H điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 34F1-090.53, chở Nguyễn Đăng T, sinh năm 1989 ở thôn H, xã Đ, huyện P và mang theo kìm cộng lực, vợt, bao tải, đi từ cầu A, thành phố H đến khu vực Bệnh viện cũ thuộc thôn Đ, xã Đ để gặp Nguyễn Văn K (tên gọi khác là T), sinh năm 1977, trú tại: thôn D, xã Đ, huyện P. Tại đây H là người khởi xướng rủ K và T đi xung quanh khu vực này xem nhà ai có sơ hở trong việc quản lý tài sản thì trộm cắp. K và T đồng ý. T điều khiển xe máy của H chở H, còn K điều khiển xe mô tô (không rõ nhãn hiệu và biển kiểm soát) của anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1970 (anh trai K), trú tại thôn D, xã Đ. Khi cả ba đến địa phận thôn A, xã T, quan sát thấy dưới chân đê có ánh điện từ khu vực chuồng chăn nuôi, H nói với T và K dừng lại, đứng trên mặt đê quan sát, cảnh giới để H xuống xem có gì lấy được không. H đi thẳng xuống khu vực chuồng lợn nhà ông Phạm Văn T, sinh năm 1961, ở thôn A, xã T, thấy có lợn nuôi trong chuồng có thể trộm cắp được nên H quay lại chỗ T, K lấy kìm cộng lực, bao tải, vợt và nói với T, K là có lợn. H xuống bắt con lợn T, K đứng trên đê cảnh giới. Khi vào đến cửa chuồng lợn, H dùng kìm cộng lực mang theo bẫy ổ khóa cửa làm bung ổ khóa. Quá trình quan sát, H phát hiện 01 máy quay camera màu trắng đặt trong chuồng lợn. Để tránh bị phát hiện, H đeo khẩu trang và tháo máy quay cho vào túi áo mưa của H. Một tay H vênh miệng bao tải, tay còn lại H đẩy móng con lợn màu trắng, nặng khoảng 40kg vào trong bao tải rồi cắp bao tải bên trong có lợn bê ra chỗ T, K đang đứng đợi. Lúc này, K quan sát thấy H bê lợn ra nên lại gần cùng khênh bao tải bên trong chứa lợn cùng với H, H đưa cho K camera để K cất vào túi áo mưa. Sau đó cả hai khiêng bao tải đến mép chân đê thì bị quần chúng nhân dân phát hiện, hô hoán “trộm, trộm”. H, K vứt lại bao tải lợn bên trong có chứa 01 con lợn và vút lại tại chân đê 01 kìm cộng lực, 01 vợt, 01 bao tải, rồi chạy lên hai xe mô tô cùng T bỏ chạy. Trên đường bỏ chạy H tháo và vứt khẩu trang đã đeo đi.

Quá trình điều tra, H đã tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan điều tra 01 máy quay camera loại 360 độ, màu trắng, bên trên có dòng chữ MI, trong máy quay có thẻ nhớ loại 64Gb mà H trộm cắp trong chuồng lợn của gia đình ông T.

Tại kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐ ngày 24/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận: 01 con lợn, loại lợn giống cái có trọng lượng 37kg, tính tại thời điểm ngày 17/3/2020 có giá trị 3.071.000 đồng; 01 máy quay camera loại 360 độ, màu trắng, bên trên có dòng chữ MI, trong máy quay có thẻ nhớ loại 64Gb, tính tại thời điểm ngày 17/3/2020 có giá trị 690.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 3.761.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Văn H và Nguyễn Văn K đều khai nhận: H, K, T là người cùng xã và quen biết chơi với nhau từ trước, cả ba không có mâu thuẫn gì. Bản thân H, K khẳng định và nhận dạng chính xác Nguyễn Đăng T, sinh năm 1989 ở thôn H, xã Đ, huyện P chính là người cùng đi trộm cắp lợn với H, K vào đêm 16 rạng sáng ngày 17/3/2020 tại thôn A, xã T của nhà ông Phạm Văn T. Ngày 17/11/2020 Bùi Văn H và Nguyễn Văn K đã bị Tòa án nhân dân huyện P xét xử về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 29/2020/HS-ST đối với hành vi trộm cắp tài sản nêu trên.

Nguyễn Đăng T, sau khi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương; Ngày 15/7/2020 Cơ quan điều tra đã ra quyết định khởi tố bị can đồng thời ra quyết định truy nã đối với T. Ngày 15/12/2021 Nguyễn Đăng T bị Công an phường Minh Khai, thành phố H bắt giữ khi đang lẩn trốn trên địa bàn phường Minh Khai. Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Đăng T thừa nhận đêm ngày 16, rạng sáng ngày 17/3/2020 đã cùng H, Kđi trộm cắp tài sản của gia đình ông T như nội dung H, Kkhai tại Cơ quan điều tra trước đó.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ của Bùi Văn H01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S plus; 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đen trắng BKS 34F1-090.53; 01 kìm cộng lực, 01 vợt, 01 bao tải, đều là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội. Nhưng đã được xử lý, xem xét, giải quyết trong Bản án số 29/2020/HS-ST ngày 17/11/2020.

Đối với xe mô tô mà Nguyễn Văn K sử dụng để đi trộm cắp vào đêm 16 rạng sáng ngày 17/3/2020 xác minh là xe của anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1970 (anh trai K), trú tại thôn D, xã Đ. Việc K tự tiện sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản, anh T hoàn toàn không biết. Sau khi xảy ra sự việc anh T đã bán chiếc xe trên cho 01 người thu mua đồng nát không rõ tên tuổi nên không có căn cứ để thu giữ và xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Phạm Văn T không yêu cầu bị cáo T bồi thường trách nhiệm dân sự gì thêm.

Quá trình Điều tra Nguyễn Đăng T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 03/CT - VKSPC, ngày 17/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố bị cáo Nguyễn Đăng T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay:

Bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tỏ ra ăn năn hối cải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Đăng T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 15/12/2021. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo T bồi thường trách nhiệm dân sự gì thêm nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Vật chứng của vụ án: Đã được xử lý tại bản án số 29/2020/HS-ST ngày 17/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện P nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Bị cáo nhất trí với quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, không ai có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để bị cáo cải tạo tốt, sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong Điều tra, truy tố:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về phân tích những chứng cứ xác định có tội:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay hoàn toàn phù hợp khách quan với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan Điều tra đã thu thập được như: Đơn trình báo, biên bản ghi lời khai của người bị hại; bản tường trình, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can Nguyễn Đăng T, Bùi Văn H, Nguyễn Văn K; biên bản ghi lời khai của người làm chứng; Sơ đồ hiện trường, biên bản hiện trường, biên bản cân tịnh lợn, bảng ảnh cân tịnh lợn, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; kết luận định giá tài sản; biên bản bắt người đang bị truy nã cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đã có đủ cơ sở kết luận: Đêm ngày 16/3/2020 rạng sáng ngày 17/3/2020 tại khu chăn nuôi của gia đình ông Phạm Văn T, sinh năm 1961 ở thôn A, xã T, huyện P, tỉnh H; Bùi Văn H, Nguyễn Văn K và Nguyễn Đăng T đã có hành vi trộm cắp 01 con lợn trọng lượng 37kg, trị giá 3.071.000 đồng và 01 máy quay camera, trị giá 690.000 đồng của gia đình ông T. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 3.761.000 đồng. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố các bị cáo Bùi Văn H, Nguyễn Văn K, Nguyễn Đăng T về tội danh “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật. Trong vụ án này, đối với hành vi của các bị cáo Bùi Văn H, Nguyễn Văn K đã bị Tòa án nhân dân huyện P đưa ra giải quyết, xét xử bằng một bản án hình sự vào ngày 17/11/2020 đã có hiệu lực pháp luật nên tại phiên tòa hôm nay HĐXX chỉ xem xét, giải quyết đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Đăng T.

Hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân trong việc bảo vệ tài sản. Bị cáo là người có nhân thân xấu, là đối tượng nghiện ma túy, đã hai lần bị Tòa án đưa ra xét xử đều về hành

vi trộm cắp tài sản. Bị cáo là người có sức khỏe, đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do ham chơi, lười lao động, để có tiền tiêu sài và thỏa mãn nhu cầu cá nhân của bị cáo là sử dụng ma túy đã bất chấp kỷ cương pháp luật để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mà bị cáo gây ra.

Xét về vai trò, vị trí của bị cáo trong vụ án, HĐXX thấy: Đây là vụ án đồng phạm có tính chất đơn giản, bị cáo được H, Krủ đi xem ai có sơ hở trong việc quản lý tài sản thì trộm cắp, bị cáo đã đồng ý, khi đến khu chăn nuôi của gia đình ông T bị cáo đứng ngoài cảnh giới cho Bùi Văn H vào trộm cắp tài sản của gia đình ông T nên bị cáo có vai trò là người giúp sức. Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương nhằm trốn tránh pháp luật, đến ngày 15/12/2012 bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã của Cơ quan Công an huyện P. Nay Tòa án nhân dân huyện P đưa bị cáo T ra xét xử về tội trộm cắp tài sản và áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với mức độ và hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra là cần thiết, nhằm răn đe, giáo dục riêng bị cáo, đồng thời phòng ngừa tội phạm nói chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. HĐXX sẽ xem xét đề giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường gì thêm về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Các biện pháp tư pháp.

- Vật chứng của vụ án: Đã được xử lý tại bản án số 29/2020/HSST ngày 17/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện P nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tổ tụng hình sự.

Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đăng T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đăng T 01 (một) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 15/12/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Các biện pháp tư pháp:

- *Về án phí:* Bị cáo Nguyễn Đăng T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- *Quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị cáo; vắng mặt bị hại. Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Mạnh Q